



GS. TS. NGUYỄN KHẮC MINH
PGS. TS. PHẠM VĂN MINH
PGS. TS. CAO THỦY XIÊM

KINH TẾ HỌC VĨ MÔ

(DÙNG CHO HỆ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
KHÔI NGÀNH KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

GS.TS. NGUYỄN KHẮC MINH — PGS.TS. PHẠM VĂN MINH — PGS.TS. CAO THỦY XIÊM

KINH TẾ HỌC VI MÔ

(DÙNG CHO HỆ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC KHỐI NGÀNH KINH TẾ
VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Tập thể tác giả tham gia biên soạn:

GS.TS. NGUYỄN KHẮC MINH

Biên soạn các chương: 1, 6, 9, 10

PGS.TS. PHẠM VĂN MINH

Biên soạn các chương: 4, 5, 7, 10

PGS.TS. CAO THUÝ XIÊM

Biên soạn các chương: 2, 3, 4, 8, 11

Bản quyền thuộc HEVOBCO – Nhà xuất bản Giáo dục

Lời mở đầu

Kinh tế học ngày càng khẳng định vị thế là môn khoa học không thể thiếu trong bất kỳ chương trình đào tạo nào về kinh tế và quản trị kinh doanh ở mọi cấp đào tạo. Sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường Việt Nam, đặc biệt trong điều kiện hội nhập kinh tế và toàn cầu hóa đòi hỏi phải có những hướng tiếp cận hiện đại về kinh tế học nói chung, Kinh tế học vi mô nói riêng. Để đáp ứng nhu cầu đó và tạo điều kiện thuận lợi cho những sinh viên sau khi đã được học Kinh tế vi mô 2 (phần Nguyên lý Kinh tế học vi mô và Kinh tế vi mô 2) nghiên cứu chuyên sâu ở cấp độ cao hơn môn học này, Nhà xuất bản Giáo dục đã tổ chức biên soạn và cho xuất bản cuốn sách “**Kinh tế học vi mô**” (Dùng cho đào tạo sau Đại học khối ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh).

Tác giả cuốn sách là GS.TS. Nguyễn Khắc Minh – nguyên Trưởng khoa Kinh tế học, PGS.TS. Phạm Văn Minh – Trưởng bộ Kinh tế vi mô và PGS.TS. Cao Thúy Xiêm – Giáo viên của Bộ môn Kinh tế vi mô, Khoa Kinh tế học, trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Với kinh nghiệm giảng dạy và kiến thức tích lũy qua nhiều năm, các tác giả đã trình bày những kiến thức từ cơ bản đến nâng cao được cập nhật với những tiến bộ của khoa học kỹ thuật và hội nhập kinh tế. Nội dung cuốn sách gồm các chương:

Chương 1. Bản chất và phạm vi của Kinh tế học vi mô

Chương 2. Lý thuyết tiêu dùng

Chương 3. Lý thuyết tiêu dùng – Mở rộng và ứng dụng

Chương 4. Lý thuyết hàng

Chương 5. Cung

Chương 6. Lý thuyết về các thị trường cạnh tranh

Chương 7. Độc quyền

Chương 8. Độc quyền tập đoàn

Chương 9. Cân bằng tổng thể

Chương 10. Lý thuyết trò chơi

Chương 11. Thất bại của thị trường và điều tốt thứ nhì

Các tác giả bày tỏ lòng cảm ơn chân thành tới Ban Giám hiệu, Khoa Kinh tế học, Bộ môn Kinh tế vi mô, Phòng quản lý đào tạo Đại học, Viện Sau đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề (Nhà xuất bản Giáo dục) đã tạo điều kiện thuận lợi để xuất bản cuốn sách này.

Trong lần xuất bản đầu tiên, cuốn sách sẽ không tránh được những thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về:

- Bộ môn Kinh tế vi mô, Khoa Kinh tế học, trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;
- Công ty Cổ phần Sách Đại học – Dạy nghề, 25 Hàn Thuyên, Hà Nội.

Các tác giả

Chương 1

BẢN CHẤT VÀ PHẠM VI CỦA KINH TẾ HỌC VI MÔ

Chương này sẽ giới thiệu một cái nhìn tổng quát về kinh tế học vi mô: các khái niệm cơ bản, phương thức phân tích, và cơ cấu thể chế ngầm. Các tác giả cũng cố gắng gợi ra rằng việc hiểu biết thu được qua nghiên cứu kinh tế học vi mô có thể áp dụng được cho nhiều thể chế kinh tế ngoài nền kinh tế tư nhân phi tập trung, tuy nhiên hiểu đầy đủ quá trình phân phôi nguồn lực trong loại hình nền kinh tế tư nhân phi tập trung có thể coi là đủ.

I. CÁC KHÁI NIỆM VÀ PHƯƠNG PHÁP

Kinh tế học vi mô bao gồm tập hợp các lý thuyết với một mục tiêu giúp chúng ta hiểu quá trình các nguồn lực khan hiếm được phân bổ vào các việc sử dụng khác nhau trong nền kinh tế hiện đại, vai trò của giá và thị trường trong quá trình này. Về cơ bản, nó là một câu hỏi mang tính triết học về các quá trình phân bổ nguồn lực, cộng với những hiểu biết thông thường có khả năng dự đoán và điều khiển, đó là kinh tế học vi mô. Các nhà kinh tế đã đưa ra các khái niệm và các mối quan hệ để tìm hiểu sự vận hành của nền kinh tế nhằm cung cấp những cơ sở cho việc thiết kế các chính sách của Chính phủ và tác động tới kết quả của quá trình này, hoặc phê phán về những hành động mà Chính phủ có thể thực hiện. Quá trình phát triển của “nghiên cứu tác nghiệp”, “khoa học quản trị” và “kinh tế học kinh doanh” là các khái niệm của Kinh tế học vi mô sẽ được áp dụng để hỗ trợ việc ra quyết định trong kinh doanh.

Cách tốt nhất để cung cấp một cái nhìn tổng quan về kinh tế học vi mô là nêu ra những thành phần cơ bản của nó.

1. Hàng hóa và dịch vụ

Hàng hóa và dịch vụ là đối tượng trung tâm của hoạt động kinh tế, vì “hoạt động kinh tế” bao gồm sản xuất và trao đổi hàng hóa, dịch vụ. Chúng ta phân biệt các hàng hóa, dịch vụ với nhau bằng một (hoặc nhiều hơn) trong ba đặc điểm sau: *bản chất vật lý và các thuộc tính của chúng*, xác định cách

mà sản phẩm đáp ứng được các nhu cầu của người tiêu dùng và người sản xuất; *địa điểm* mà ở đó sản phẩm có thể được mua; *thời gian* mà tại đó nó sẵn sàng cho việc tiêu dùng. Ví dụ, than đá và dầu thô là những hàng hóa khác nhau về mặt vật lý; dịch vụ làm tóc (cắt tóc, gội đầu) khác dịch vụ kế toán; dầu thô và than đá được tạo ra từ đất đai, dịch vụ làm tóc và dịch vụ kế toán được tạo ra từ lao động. Mặt khác, dầu thô ở Dubai ngày mai khác với dầu thô có tại một nhà máy lọc dầu ở Tây Âu ngày mai; than đá ở London hôm nay khác than đá ở London thời gian này năm sau. Cơ sở để phân biệt các hàng hóa là chúng không thể thay thế cho nhau tuyệt đối trong tiêu dùng hoặc trong sản xuất (một thương gia tham khảo kế toán viên của mình về vấn đề thuế không thể có được sự thỏa mãn khi thay thế bằng dịch vụ cắt tóc). Trong kinh tế học vi mô chúng ta giả thiết rằng tồn tại một tập hợp *có giới hạn* (*tập đóng*) về các bộ hàng hóa *hiện vật* của các thuộc tính; một tập hợp *có giới hạn* về các *địa điểm* (chúng ta không coi yếu tố không gian là liên tục, mà chúng được chia thành những khu vực nhỏ, và không được mở rộng ra vô hạn trong tương lai, mà được giả thiết là có một vài giới hạn nhất định, trong một giới hạn có thể về khung thời gian). Các giả thiết này đảm bảo rằng tồn tại một số hữu hạn các hàng hóa được xem xét trong các lý thuyết của chúng ta. Vì vậy, có thể giả thiết là có một chuỗi *liên tục* các hàng hóa: mà bất kỳ một hàng hóa nào cũng xác định được một hàng hóa khác mà gần như thỏa mãn như hàng hóa ban đầu về các thuộc tính, địa điểm và thời gian. Hơn nữa, chuỗi các hàng hóa liên tục này cần bị chặn (có thể coi các hàng hóa như những điểm trên một đường thẳng kéo dài về vô tận), vì ta luôn luôn có thể xác định các hàng hóa sẵn có vào một thời điểm sau. Các phương pháp phân tích cho một nền kinh tế với các hàng hóa như vậy có khác biệt rõ ràng so với các hàng hóa (được giả thiết) trong kinh tế học truyền thống. Vì các giả thiết đòi hỏi việc thiết lập một tập có giới hạn các hàng hóa giúp cho việc phân tích trở nên đơn giản hơn, ta sẽ chấp nhận giả thiết này.

2. Giá

Tương ứng với mỗi hàng hóa là một mức giá. Mức giá đó có thể được biểu diễn bằng một hoặc hai cách sau:

Cách thứ nhất, có thể chọn một hàng hóa trong nền kinh tế làm *đơn vị chuẩn* (numeraire), nghĩa là, hàng hóa được chọn làm đơn vị để tất cả giá của các hàng hóa khác được biểu diễn qua nó (ví dụ, chúng ta chọn vàng). Do đó, mọi mức giá của hàng hóa khác sẽ là một số đơn vị vàng để đổi lấy một đơn vị hàng hóa đó. Giá của vàng sẽ là 1. Nói chung, chúng ta hoàn toàn

tự do lựa chọn một hàng hóa làm *đơn vị chuẩn*, hoặc giá có thể được biểu diễn dưới dạng một số đơn vị của một vài loại dịch vụ lao động và có thể đổi được một số đơn vị của mỗi loại hàng hóa khác. Trong thực tế, những hàng hóa khác nhau có thể có những mức độ phù hợp khác nhau trong việc thực hiện các trao đổi trên thị trường. Các hàng hóa không dễ dàng chia nhỏ, *quá công kẽm* hoặc *bị ăn mòn* theo thời gian, sẽ không có xu hướng được sử dụng làm phương tiện thanh toán. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng, một *đơn vị tiêu chuẩn* là không phải nhầm tới *phương tiện trao đổi* hoặc “*tiền tệ*” theo nghĩa này. Ta chỉ dùng nó làm một *đơn vị tính toán*, hoặc một *đơn vị đo lường* cho các mức giá trong một nền kinh tế, và *không cần bắt cứ điều kiện gì về cơ chế mà qua đó các giao dịch thực sự được tiến hành*. Với lựa chọn về *đơn vị tiêu chuẩn*, các mức giá là *tỷ lệ trao đổi hàng hóa* có hiệu lực (nó biểu diễn tỷ lệ mà tại đó *đơn vị tiêu chuẩn* được trao đổi cho các hàng hóa khác). Chúng là đơn vị nguyên (số đơn vị tiêu chuẩn/số đơn vị của hàng hóa). Do đó, chúng không độc lập với số đơn vị để đo lường các hàng hóa. Ví dụ, nếu gấp đôi số đơn vị mà chúng ta đo lường từng hàng hóa (ngoại trừ *đơn vị tiêu chuẩn*) thì sẽ có mức giá gấp đôi.

Cách thứ hai mức giá có thể được biểu diễn mà không bao gồm một *đơn vị tiêu chuẩn*. Giả thiết rằng tồn tại một vài đơn vị tính toán không phải là một lượng của một hàng hóa thực tế nào, mà là một đơn vị trừu tượng được sử dụng trong các tài khoản kế toán. Nếu một đơn vị hàng hóa được bán, tài khoản được ghi Có với một số nhất định đơn vị tính toán, và khi một hàng hóa được mua vào thì được ghi Nợ một số đơn vị hoặc ghi Có trên từng đơn vị của hàng hóa. Rất hữu ích nếu cho đơn vị tính toán đó một cái tên, và chúng ta gọi đó là đồng sterling, hoặc Việt Nam đồng (VNĐ). Một tấm séc được viết cho x sterling là một chỉ dẫn cho việc ghi Có một tài khoản và ghi Nợ vào một tài khoản khác, nghĩa là, chuyển x đơn vị tính toán giữa các tài khoản. Tiền giấy và tiền xu không có giá trị sử dụng hiện vật (cho đến khi, chúng bị cấm sử dụng trong trao đổi và có được giá trị sử dụng thực tế nào đó, trở thành một loại hàng hóa, để đúc tiền), nhưng đơn giản chúng được dùng làm các đơn vị tính toán chuyển qua lại trực tiếp và hình thành nên một phần (thông thường là rất nhỏ) về mặt tín dụng của một tài khoản.

Phương thức biểu diễn giá theo đơn vị tính toán mang tính trừu tượng và phương thức biểu diễn giá trong thực tế cũng trừu tượng như vậy kể cả khi có sự phát triển của hệ thống ngân hàng hiện đại. Tuy nhiên, tồn tại một mối quan hệ đối ứng trực tiếp giữa giá được biểu diễn bằng các đơn vị tính toán và giá được biểu diễn bằng tỷ lệ một hàng hóa trao đổi. Do đó, nếu có một tập

hợp các mức giá được biểu diễn bằng VNĐ: p_1, p_2, \dots, p_n , bằng cách lấy một trong các mức giá đó, giả sử là mức giá thứ n , và xây dựng n tỷ số thì ta sẽ có:

$$r_1 = \frac{p_1}{p_n}; r_2 = \frac{p_2}{p_n}; r_n = \frac{p_n}{p_n} = 1 \quad [1.1]$$

Có thể diễn giải mỗi r_j ($j = 1, 2, \dots, n$) là số đơn vị hàng hóa n có thể mua được bằng một đơn vị của hàng hóa j , giống như tỷ lệ trao đổi với n là *đơn vị tiêu chuẩn*. Mỗi r_j sẽ trong một thứ nguyên (số đơn vị hàng hóa n /số đơn vị hàng hóa j) như sau:

$$\begin{aligned} \frac{p_j}{p_n} &= \frac{VNĐ}{\text{Số đơn vị hàng hóa } j} : \frac{VNĐ}{\text{Số đơn vị hàng hóa } n} \\ &= \frac{\text{Số đơn vị hàng hóa } n}{\text{Số đơn vị hàng hóa } j} \quad (j = 1, 2, \dots, n) \end{aligned} \quad [1.2]$$

Do vậy, một r_j được sử dụng sẽ cho biết số hàng hóa n có thể mua được nếu ta bán một đơn vị hàng hóa j và dùng nó để mua hàng hóa n (p_j đơn vị tính toán).

3. Các thị trường

Thị trường là một địa điểm cụ thể nơi mà một số loại hàng hóa nhất định được mua và bán (ví dụ, thị trường gia súc, thị trường hoa quả và rau). Tuy nhiên, trong kinh tế học thì thị trường được đề cập đến tổng quát hơn: thị trường tồn tại bất cứ khi nào hai hoặc nhiều chủ thể (kinh tế) chuẩn bị cho một trao đổi, bất kể thời gian và địa điểm. Do đó, nếu hai người săn trộm gặp nhau giữa một khu rừng trong đêm tối, một người với một giỏ cá và một người với một túi gà, họ quyết định thương lượng trao đổi cá và gà, chúng ta có thể nói rằng đây là một thị trường. Cụm từ “thị trường” nhấn mạnh đến tình huống trao đổi. Vấn đề trung tâm của kinh tế học vi mô là phân tích các thị trường hoạt động như thế nào, vì chúng ta nhìn nhận các quá trình phân phối nguồn lực là một quá trình thị trường (một phân phối nguồn lực là kết quả hoạt động của một thị trường nào đó). Với tất cả các hàng hóa thì một thị trường sẽ tồn tại hoặc được sinh ra, và cái gì không thể trao đổi được trên thị trường thì không phải là một hàng hóa (theo quan niệm của kinh tế học vi mô).

Cần phân biệt giữa thị trường *giao ngay* và thị trường *kỳ hạn*. Trên một thị trường *giao ngay*, một hợp đồng được lập, trong đó, việc chuyển giao một hàng hóa được hoàn thành trong cùng thời kỳ đó. Trong thị trường *kỳ hạn* việc chuyển giao hàng hóa sẽ được thực hiện tại một thời điểm trong tương